TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 730/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 03 – 9 – 2019
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Ngọc Hiếu

2. Bà Trần Quang Cảnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa*: Bà Đoàn Thị Thúy Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 03/9/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 229/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 59/2019/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Quang K, sinh năm 1973.
Thường trú: 136 Đường T, phường T, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh; Tạm trú: 136 Đường T, phường T, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thanh T, sinh năm: 1971.
Địa chỉ: 125/4 Đường L, phường P, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/02/2019 và các lời khai tại Tòa án nhân dân quận Tân Phú, nguyên đơn ông Trần Quang K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thanh T tự nguyện chung sống, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tân Thành, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 123/2011, quyển số 01/2011 ngày 13/8/2011.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại 135 Đường T, phường T, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh cho đến cuối năm 2018, bà T dọn về nhà mẹ ruột tại

125/4 đường L, phường P, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống cho đến nay.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, từ năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, lối sống, giữa hai bên không có tiếng nói chung, gặp mặt là tranh cãi gay gắt, thời gian ly thân mạnh ai người nấy sống, không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau. Nay nhận thấy tình cảm giữa vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, ông yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thanh T.

Về quan hệ con chung: Không có.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không có.

Về phía bị đơn bà Nguyễn Thanh T, đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cũng như nhiều lần tống đạt giấy triệu tập bà đến hòa giải nhưng bà không đến nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên toà hôm nay:

- Ông K vẫn giữ nguyên yêu cầu trên.

- Bà T xin vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú phát biểu quan điểm:

- *Về việc tuân theo pháp luật*: Đương sự, Thư ký và Hội đồng xét xử đều tuân theo pháp luật được quy định tại Điều 48, Điều 51, Điều 63, Điều 203, Từ Điều 239 đến Điều 267 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án*: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông K. Về quan hệ con chung: Không có. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 123/2011, quyển số 01/2011 ngày 13/8/2011 thì quan hệ hôn nhân giữa ông Khánh và bà Thúy là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Bà T cư trú tại quận Tân Phú. Nay ông K yêu cầu ly hôn, Toà án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là phù hợp với khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn – bà Nguyễn Thanh T: Xét bà T có đơn xin vắng mặt do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà T.

[2] Về yêu cầu của các đương sự:

Về quan hệ hôn nhân: Trong quá trình giải quyết, ông K xác nhận vợ chồng không còn tình cảm đã sống riêng từ năm 2018 đến nay. Ông K yêu cầu ly hôn, bà T đồng ý, do đó căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử công nhận việc thuận tình ly hôn giữa ông K và bà T.

Về quan hệ con chung: Hai bên xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Hai bên xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông Khánh phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà Khánh đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0012675 ngày 27/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 177; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quang K.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Quang K và bà Nguyễn Thanh T thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 123/2011, quyển số 01/2011 do Ủy ban nhân dân phường Tân Thành, quận Tân Phú, Thành phố Chí Minh cấp ngày 13/8/2011 cho ông Trần Quang K và bà Nguyễn Thanh T hết hiệu lực kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực.

Về quan hệ con chung: Hai bên xác nhận không có.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Hai bên xác nhận không có.

2. Về án phí: Ông Trần Quang K chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng ông K đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0012675 ngày 27/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông K đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo: Ông Trần Quang K được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thanh T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ bản án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục THADS quận Tân Phú;
- UBND phường Tân Thành, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu VP, hồ sơ (Thúy).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Ngọc Quyên